

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯỚNG LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/QĐ-UBND

Hướng Linh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯỚNG LINH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 4886/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho UBND các xã, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Hướng Linh về việc thông qua dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước xã Hướng Linh năm 2023;

Xét đề nghị của văn phòng HĐND - UBND, Kế toán NS xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (Có bảng đính kèm)

Điều 2. Kế toán ngân sách xã chịu trách nhiệm triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, kiểm tra và quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND-UBND xã, kế toán ngân sách xã và các ban ngành liên quan căn cứ quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, kế toán NS.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA
PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 12 /QĐ-UBND ngày 16 /1/2023 của UBND xã Hương Linh)

<u>A - PHẦN THU NGÂN SÁCH:</u>	4.553.111.000
* Tổng thu ngân sách năm 2023:	
I - Các khoản thu được hưởng 100%:	10.000.000
1/Thu phí, lệ phí:	10.000.000
2/Thu đóng góp tự nguyện:	
3/Thu khác:	
II - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm:	-
III - Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên:	4.543.111.000
- Bổ sung cân đối ngân sách:	4.349.913.000
- Bổ sung cân có mục tiêu:	193.198.000
<u>B - PHẦN CHI NGÂN SÁCH:</u>	
* Tổng chi ngân sách năm 2023:	4.553.111.000
I - Chi đầu tư phát triển:	-
II - Chi thường xuyên:	4.428.111.000
1. Chi bảo trợ xã hội:	20.800.000
2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo:	50.000.000
+ Chi đào tạo cán bộ, công chức:	20.000.000
+ Chi PC kiêm nhiệm CB TTHTCĐ:	8.940.000
+ Chi Trung tâm học tập cộng đồng:	21.060.000
3. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:	72.300.000
+ Kinh phí hoạt động Văn hóa - Thông tin:	17.300.000
+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ 41/2019/NQ-HĐND:	25.000.000
+ Kinh phí khu văn hóa cụm dân cư ở xã vùng khó (theo quyết định 1010/QĐ-TTg):	30.000.000
4. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao:	13.800.000
5. Chi sự nghiệp Quốc phòng - An ninh:	618.181.060
5.1- Chi sự nghiệp quốc phòng:	510.882.060
+ Kinh phí hoạt động:	220.000.000
+ BHXH, BHYT PC PCHT QS, PC DQTV, Thôn đội trưởng:	119.438.400
+ Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ Chỉ huy trưởng Quân sự xã:	103.193.660

+ Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 73/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	68.250.000
5.2- Chi sự nghiệp An ninh:	107.299.000
+ Chi hoạt động theo định mức:	33.000.000
+ Chi PC CAV:	74.299.000
6. Chi sự nghiệp kinh tế:	77.424.000
+ Chi sự nghiệp Kinh tế:	36.300.000
+ Phụ cấp nhân viên thú y, nhân viên khuyến nông theo NQ 161/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	41.124.000
7. Sự nghiệp môi trường	20.000.000
8. Sự nghiệp phát thanh	10.000.000
9. Chi Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:	3.456.787.940
9.1- Kinh phí của Ủy ban nhân dân xã:	1.545.156.200
Trong đó: + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CB, CC UBND xã:	1.213.209.000
+ BHXH, BHYT, PC CBộ KCT của UBND xã	23.065.200
+ Phụ cấp trưởng thôn:	56.322.000
+ Kinh phí phần mềm quản lý tài sản:	2.000.000
+ Chi nâng cấp phần mềm kế toán Misa:	3.600.000
+ Chi đảm bảo công tác xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật	5.000.000
+ Chi PC Cán bộ rà soát TTHC theo QĐ 2261/QĐ-UBND tỉnh	9.960.000
+ Chi hỗ trợ tổ hòa giải cơ sở, hỗ trợ Tủ sách pháp luật (Nghị Quyết 16/2015/NQ-HĐND tỉnh):	10.000.000
+ Chi hỗ trợ hoạt động tiếp công dân theo quyết định 1180/QĐ-UBND tỉnh:	10.000.000
+ Kinh phí tham gia tập huấn các chế độ chính sách:	5.000.000
+ Kinh phí triển khai phần mềm Quản lý ngân sách:	15.000.000
+ Chi hoạt động:	192.000.000
9.2- Kinh phí của HĐND xã:	433.494.310
Trong đó: + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CB HĐND:	100.722.510
+ Phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân:	138.748.800
+ BHYT Đại biểu Hội đồng nhân dân:	4.023.000
+ KP hoạt động HĐND xã theo NQ 02/2017/NQ- HĐND:	190.000.000
9.3- Kinh phí Đảng ủy xã:	519.138.590
Trong đó: + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ Cán bộ Đảng ủy xã:	275.249.190
+ Phụ cấp cấp ủy viên, CB. KCT Đảng, BT. Chi bộ:	178.889.400
+ Kinh phí hoạt động theo QĐ 99/QĐ-TW năm 2012:	65.000.000
9.4- Kinh phí UBMTTQVN xã:	258.341.600
Trong đó: + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CT UBMTTQVN:	105.849.600

+ BHXH, BHYT, PC PCT.MT; PC Trưởng ban MTKDC:	105.492.000
+ Kinh phí hoạt động UBMTTQVN xã:	15.000.000
+ Kinh phí chi hội đặc biệt khó khăn (thôn, bản)p: (2.000.000 đồng/01 Chi hội/năm theo Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	10.000.000
+ Kinh phí hoạt động Ban thanh tra nhân dân:	5.000.000
+ Kinh phí hoạt động Ban giám sát cộng đồng	10.000.000
+ Chi hoạt động giám sát, phản biện theo quyết định số 217-QĐ/TW	7.000.000
9.5 - Kinh phí Đoàn TNCSHCM xã:	150.887.170
<i>Trong đó:</i> + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ BT Đoàn Thanh niên:	87.124.770
+ Phụ cấp PBT.Đoàn, BT. Chi đoàn cơ sở:	38.762.400
+ Kinh phí hoạt động Đoàn Thanh niên:	15.000.000
+ Kinh phí chi hội đặc biệt khó khăn (thôn, bản): (2.000.000 đồng/01 Chi hội/năm theo Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	10.000.000
9.6- Kinh phí Hội LHPN xã:	184.912.810
<i>Trong đó:</i> + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CT HLHPN xã:	109.349.610
+ BHXH, BHYT, PC PCT HLHPN, PC CHT PN:	50.563.200
+ Kinh phí hoạt động Hội Phụ nữ:	15.000.000
+ Kinh phí chi hội đặc biệt khó khăn (thôn, bản): (2.000.000 đồng/01 Chi hội/năm theo Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	10.000.000
9.7 - Kinh phí Hội Nông dân xã:	204.912.810
<i>Trong đó:</i> + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CT HND xã:	109.349.610
+ BHXH, BHYT, PC PCT HND, PC CHT HND:	50.563.200
+ Kinh phí hoạt động Hội Nông dân:	15.000.000
+ Kinh phí Đại hội HND xã nhiệm kỳ 2022-2027:	20.000.000
+ Kinh phí chi hội đặc biệt khó khăn (thôn, bản): (2.000.000 đồng/01 Chi hội/năm theo Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	10.000.000
9.8- Kinh phí Hội cựu chiến binh xã:	159.944.450
<i>Trong đó:</i> + Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ CT HCCB xã:	84.381.250
+ BHXH, BHYT, PC PCT HCCB, PC CHT HCCB:	50.563.200
+ Kinh phí hoạt động Hội Cựu chiến binh:	15.000.000
+ Kinh phí chi hội đặc biệt khó khăn (thôn, bản): (2.000.000 đồng/01 Chi hội/năm theo Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:	10.000.000
10. Các tổ chức chính trị xã hội khác:	88.818.000
10.1. Kinh phí Hội Người cao tuổi:	70.554.000
<i>Trong đó:</i> + Phụ cấp Chủ tịch Hội người cao tuổi, CHT.Hội NCT:	52.530.000
+ Kinh phí hoạt động mừng thọ:	15.024.000
+ Kinh phí hoạt động Hội người cao tuổi:	3.000.000

10.2. Kinh phí Hội Chữ thập đỏ:	15.264.000
<i>Trong đó:</i> + Phụ cấp Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ:	11.264.000
+ Kinh phí hoạt động Hội Chữ thập đỏ:	4.000.000
10.3. Kinh phí Hội Khuyến học:	3.000.000
+ Kinh phí hoạt động của Hội khuyến học:	3.000.000
10.4 Kinh phí hoạt động CĐCS xã:	5.000.000
III - Tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện Cải cách tiền lương:	23.000.000
IV - Dự phòng: (Sử dụng cho khắc phục hậu quả thiên tai, bảo lụt, phòng chống dịch bệnh, thực hiện theo Luật ngân sách số 83/2015/QH13	102.000.000

